TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:153/2019/QĐHNGĐ-ST	*Quận 11, ngày 03 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Ông Phạm Hồng S, sinh năm 1955; địa chỉ: 467 đường Hàn Hải Nguyên, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà Khưu Ngọc M, sinh năm 1961; địa chỉ: 467 đường Hàn Hải Nguyên, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Sự thỏa thuận của hai bên bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hồng S và bà Khưu Ngọc M thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn Số 14, Quyển số 01/1991 do Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp ngày 23/4/1991 không còn giá trị pháp lý.

b) Về con chung: Có 01 con chung Phạm Gia N, sinh năm 1993 (đã thành niên) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c) Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d) Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Phạm Hồng S và bà Khưu Ngọc M chịu lệ phí Tòa án là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009624 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; ông S và bà M đã nộp đủ tiền lệ phí Tòa án.

3. Các quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND Quận 10;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hiếu Thuận